

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
THỰC HIỆN CHUẨN CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Tên cơ sở giáo dục đại học	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
Mã trường	SP2
Loại hình sở hữu	Công lập
Cơ quan quản lý trực tiếp	Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trình độ đào tạo cao nhất	Tiến sĩ
Trường chuyên ngành đặc thù	Không
Năm đi vào hoạt động	1967

Địa chỉ trụ sở chính	Số 32 đường Nguyễn Văn Linh, Phường
Trang thông tin điện tử	Xuân Hòa, Tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ email	hpu2.edu.vn
(Hiệu trưởng/ Giám đốc/ Viện trưởng)	dhsphn2@hpu2.edu.vn
(ký tên, đóng dấu)	Nguyễn Quang Huy



Người lập báo cáo	Phạm Đức Hiếu
Email, điện thoại liên hệ	0971889018 - phamduchieu@hpu2.edu.vn
Ngày lập báo cáo	26/06/2026

TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	YÊU CẦU	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
1.1	Số tháng khuyết lãnh đạo chủ chốt	≤ 06	0,7	Đạt
1.2	Mức độ hoàn thiện văn bản theo Luật GDDH	100%	100%	Đạt
1.3	Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện	$\geq 50\%$	70%	Đạt
1.4	Mức độ cập nhật dữ liệu quản lý trên HEMIS	100%	100%	Đạt

TIÊU CHUẨN 2: GIẢNG VIÊN

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	YÊU CẦU	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
2.1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	$\leq 40:1$	28,52	Đạt
2.2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	$\geq 70\%$	98,42%	Đạt
2.3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	$\geq 40\%$	62,03%	Đạt

TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	YÊU CẦU	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
3.1	Diện tích đất/người học (m2)	25		
3.2.1	Diện tích sàn xây dựng/người học (m2)	$\geq 2,8$	7,33	Đạt
3.2.2	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt (%)	$\geq 70\%$	97,8%	Đạt
3.3.1	Số đầu sách/ngành đào tạo	≥ 40	654,7	Đạt
3.3.2	Số bản sách/người học	≥ 05	6,2	Đạt
3.4.1	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến (%)	$\geq 10\%$	14,33%	Đạt
3.4.2	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	100	460	Đạt

TIÊU CHUẨN 4: TÀI CHÍNH

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	YÊU CẦU	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
4.1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	≥ 0 và $\leq 30\%$	9,94%	Đạt
4.2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	$\geq 0\%$	17,16%	Đạt

TIÊU CHUẨN 5: TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	YÊU CẦU	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
5.1.1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	$\geq 50\%$	85,5%	Đạt
5.1.2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	$> -30\%$	14,1%	Đạt
5.2.1	Tỉ lệ thôi học	$\leq 10\%$	7,52%	Đạt
5.2.2	Tỉ lệ thôi học năm đầu	$\leq 15\%$	1,85%	Đạt
5.3.1	Tỉ lệ tốt nghiệp	$\geq 60\%$	99,5%	Đạt
5.3.2	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	$\geq 40\%$	73,7%	Đạt
5.4.1	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	$\geq 70\%$	97,4%	Đạt
5.4.2	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	$\geq 70\%$	89,9%	Đạt
5.5	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	$\geq 70\%$	97,4%	Đạt

TIÊU CHUẨN 6: NGHIÊN CỨU VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

	CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ	YÊU CẦU	THỰC TẾ	KẾT QUẢ
6.1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	$\geq 5\%$	10,9%	Đạt
6.2.1	Số công bố khoa học/giảng viên	$\geq 0,6$	1,13	Đạt
6.2.2	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	$\geq 0,3$	0,5	Đạt



95